|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2023/TT-BNNPTNT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững**

*Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.*

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững**

1. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

“3. Thời gian thực hiện phương án quản lý rừng bền vững tối đa là 10 năm kể từ ngày phương án được phê duyệt.

4. Điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững:

 a) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển loại rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc điều chỉnh phân khu chức năng của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên và khu bảo tồn loài - sinh cảnh có ảnh hưởng đến mục tiêu quản lý và mục đích sử dụng của khu rừng thì chủ rừng phải điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với những nội dung điều chỉnh.

b) Trường hợp chủ rừng có nhu cầu điều chỉnh kế hoạch quản lý rừng bền vững hàng năm thuộc phương án quản lý rừng bền vững để phù hợp với thực tiễn quản lý, sản xuất, kinh doanh thì chủ rừng tự phê duyệt kế hoạch điều chỉnh đó nhưng không làm thay đổi mục tiêu quản lý rừng bền vững của phương án.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 4 như sau:

“a) Các loại bản đồ gồm: bản đồ hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016; bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; bản đồ quy hoạch quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11566:2016.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

**“Điều 8. Phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết hình thành nhóm hộ**

1. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc nhóm hộ tự nguyện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững.

2. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc nhóm hộ có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của Luật Lâm nghiệp và Quy chế quản lý rừng phải xây dựng phương án quản lý rừng bền vững.

3. Nội dung phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc nhóm hộ theo Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Thông tư này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

 **“Điều 11. Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức trực thuộc quản lý của các bộ, ngành**

1. Cơ quan có thẩm phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững là bộ, ngành quản lý của chủ rừng.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này (bản chính);

b) Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này (bản chính);

c) Các loại bản đồ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư này (bản chính).

 3. Cách thức nộp hồ sơ: chủ rừng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường điện tử.

 4. Trình tự thực hiện:

a) Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này đến bộ, ngành quản lý của chủ rừng (bộ, ngành giao Cơ quan chủ trì tiếp nhận và xử lý hồ sơ). Đối với hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chủ trì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ rừng biết để hoàn thiện;

b) Trong thời hạn 03 kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan chủ trì lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với hồ sơ của chủ rừng trực thuộc các bộ, ngành khác; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi chủ rừng được nhà nước giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng và các đơn vị liên quan về nội dung phương án.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến theo quy định tại điểm b khoản này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến Cơ quan chủ trì.

d) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan được lấy ý kiến theo quy định tại điểm b khoản này, Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện báo cáo thẩm định nội dung phương án quản lý rừng bền vững:

Trường hợp nội dung phương án quản lý rừng bền vững đạt yêu cầu, Cơ quan chủ trì trình bộ, ngành chủ quản phê duyệt phương án.

Trường hợp nội dung phương án quản lý rừng bền vững không đạt yêu cầu, Cơ quan chủ trì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ rừng biết để bổ sung, hoàn thiện phương án trong thời hạn 15 ngày trước khi trình bộ, ngành chủ quản phê duyệt phương án.

đ) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình theo quy định tại điểm d khoản này bộ, ngành chủ quản phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và trả kết quả cho chủ rừng. Trường hợp không phê duyệt phương án phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

**“ Điều 12. Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức kinh tế**

Chủ rừng là tổ chức kinh tế được nhà nước giao đất, cho thuê đất để trồng rừng sản xuất bằng vốn tự đầu tư; chủ rừng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất phải lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại bằng văn bản về nội dung phương án quản lý rừng bền vững trước khi tự phê duyệt. Phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng sau khi phê duyệt trong vòng 15 ngày kể từ ngày phê duyệt phải gửi 01 bản chính cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện phương án.”.

6. Bổ sung Điều 12a vào sau Điều 12 như sau:

**“Điều 12a. Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết hình thành nhóm hộ**

1. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc nhóm hộ tự nguyện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững thì chủ rừng hoặc đại diện nhóm hộ tự phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững đối với trường hợp không tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

2. Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc nhóm hộ đối với trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

a) Cơ quan có thẩm phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững là Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị (gọi chung là Ủy ban nhân dân huyện).

b) Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững:

- Đơn đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Thông tư này (bản chính);

- Phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Thông tư này (bản chính);

- Các loại bản đồ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này (bản chính).

c) Cách thức nộp hồ sơ: chủ rừng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường điện tử.

d) Trình tự thực hiện:

- Chủ rừng hoặc nhóm hộ nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này đến Ủy ban nhân dân huyện (Ủy ban nhân dân huyện giao Cơ quan chủ trì tiếp nhận và xử lý hồ sơ). Đối với hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chủ trì có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho chủ rừng biết để hoàn thiện;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan chủ trì lấy ý kiến bằng văn bản của các đơn vị liên quan về nội dung phương án quản lý rừng bền vững;

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Cơ quan chủ trì, các đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung phương án quản lý rừng bền vững để gửi đến Cơ quan chủ trì;

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của các đơn vị được lấy ý kiến, Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện báo cáo thẩm định nội dung phương án quản lý rừng bền vững:

Trường hợp nội dung phương án quản lý rừng bền vững đạt yêu cầu, Cơ quan chủ trì trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án.

Trường hợp nội dung phương án quản lý rừng bền vững không đạt yêu cầu, Cơ quan chủ trì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ rừng biết để bổ sung, hoàn thiện phương án trong thời hạn 10 ngày trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án.

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và trả kết quả cho chủ rừng. Trường hợp không phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

7. Sửa đổi tên Điều 13 như sau:

**“Điều 13. Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức không thuộc đối tượng quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Thông tư này”**

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“ **Điều 14. Tiêu chí quản lý rừng bền vững**

 Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững gồm 07 nguyên tắc, 40 tiêu chí và 135 chỉ số. Chi tiết Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 18 như sau:

“1. Cục Lâm nghiệp:

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

c) Hằng năm trước ngày 15 tháng 12, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Lâm nghiệp) kết quả xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh.”.

10. Sửa đổi khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và báo cáo kết quả thực hiện về Cục Lâm nghiệp.”.

11. Sửa đổi, bổ sung các Phụ lục I, II, III kèm theo Thông tư này.

12. Sửa đổi thứ tự các phụ lục như sau:

a) Sửa đổi Phụ lục VI thành Phụ lục IV;

 b) Sửa đổi Phụ lục VII thành Phụ lục V;

 c) Sửa đổi Phụ lục VIII thành Phụ lục VI.

**Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững**

 1. Thay thế cụm từ “bảo tồn cao theo quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này” bằng cụm từ “về sinh thái, môi trường, xã hội” tại điểm c khoản 4 Điều 5 và điểm b khoản 3 Điều 7.

2. Thay thế cụm từ “tại Phụ lục V” bằng cụm từ “của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản” vào sau cụm từ “Cách tính sản lượng gỗ khai thác rừng theo quy định” tại điểm c khoản 4 Điều 6 và điểm d khoản 3 Điều 7;

3. Bãi bỏ các Phụ lục IV và Phụ lục V.

 **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

 2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Đối với những Phương án quản lý rừng bền vững đã được thẩm định, phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 28/202018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững hoặc thực hiện các điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này.

b) Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản đã được thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung đó.

Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;- Công báo Chính phủ, Cổng TTĐT Chính phủ;- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);- UBND, Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Bộ NN và PTNT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, Cổng TTĐT Bộ;- Lưu: VT, LN. | **KT. BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNG****Nguyễn Quốc Trị** |